

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 14/5/2021

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Đức Kha.
2. Ông Hoàng Văn Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 14/5/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2021 về “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2021/QĐXX-ST ngày 07/4/2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 38/2021/QĐ-ST ngày 26/4/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1991 (vắng mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Huy T, sinh năm: 1984 (vắng mặt).

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang (Hiện đang lao động tại nước ngoài không có địa chỉ).

Địa chỉ cuối cùng của anh Nguyễn Huy T tại Việt Nam: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai ngày 12/11/2020, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Huy T được tự do tìm hiểu trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 28/4/2014 tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn anh chị đều làm việc tại Hàn Quốc nên sau khi cưới vợ chồng lại sang Hàn Quốc làm việc. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 10/2015 chị sinh con là cháu Nguyễn Huy Bảo N tại Hàn Quốc. Đến tháng 12/2015 cháu N được bác ruột cho về Việt Nam với ông bà nội để vợ chồng chị đi làm. Đến năm 2017 vợ chồng bắt đầu nảy sinh những bất hòa và anh T đã ép chị về Việt Nam và dọa cảnh sát bắt chị để ép chị về Việt Nam, vì muốn níu kéo chồng và giữ gia đình hạnh phúc cho con nên ngày 03/6/2019 chị quyết định về Việt Nam theo ý của anh T. Nhưng sau khi về Việt Nam thì chị thấy tình cảm cũng không thể hàn gắn được, hơn nữa anh T còn nên mạng vu khống cho chị có những mối quan hệ bất chính trong khi không có bằng chứng gì khiến cho chị suy sụp tinh thần. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Huy T.

-Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Huy Bảo N, sinh ngày 02/10/2015. Ly hôn chị đề nghị được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

-Về tài sản, công nợ: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị H còn trình bày: Hiện nay anh T vẫn ở nước ngoài, địa chỉ cụ thể của anh T ở nước ngoài chị không cung cấp được cho Tòa án được vì chị có hỏi địa chỉ của anh T nhưng anh T không cung địa chỉ ở nước ngoài cho chị, anh T vẫn liên lạc về gia đình nhưng bố đẻ anh T là ông Nguyễn Huy B và bà Nguyễn Thị H, trú tại: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang cũng không cung cấp địa chỉ nên chị không biết để cung cấp cho Tòa án.

Do tính chất công việc nên chị không thể tham gia được các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình giữa chị và anh T được, nên chị đề nghị Tòa án cho chị được vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị và anh Nguyễn Huy T.

Bị đơn anh Nguyễn Huy T không có bản tự khai.

Ngày 04/3/2021 và ngày 22/3/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành làm việc với bố đẻ của anh Nguyễn Huy T là ông Nguyễn Huy B; trú tại: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang để giao thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu ông B thông báo cho anh T biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Huy T; yêu cầu anh T viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; yêu cầu ông B cung cấp địa chỉ cụ thể của anh T ở nước ngoài. Tuy nhiên, qua hai lần làm việc ông B vẫn giữ nguyên quan điểm là anh T ở nước ngoài vẫn thường xuyên liên lạc về cho gia đình nhưng ông không cung cấp địa chỉ cụ thể của anh T ở nước ngoài cho Tòa án, vì đây là việc cá nhân của anh T, đồng thời ông cũng không thực hiện theo yêu cầu

của Tòa án thông báo cho anh T biết để anh T gửi lời khai về. Kể từ đó đến nay, Tòa án cũng không nhận được bất kỳ lời khai nào của anh T gửi về.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Nguyễn Huy T vắng mặt không có lý do.

Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của chị H; Biên bản làm việc với bố đẻ của anh T là ông Nguyễn Huy B và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng: của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Đối với nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huyền có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn anh Nguyễn Huy T không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với anh Nguyễn Huy T; Căn cứ vào quy định của pháp luật xét xử vắng mặt anh Nguyễn Huy T là đúng.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 và khoản 2 điều 123 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTBTQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H. Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Huy T.

Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Huy Bảo N, sinh ngày 02/10/2015 cho chị Nguyễn Thị H nuôi dưỡng, chăm sóc. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung do chị H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị H là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị H.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Huy T vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành làm việc với bố đẻ của anh T là ông Nguyễn Huy B để giao thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu ông Bộ thông báo cho anh T biết về việc Tòa

án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị Nguyễn Thị H với anh Nguyễn Huy T, yêu cầu ông Bộ cung cấp địa chỉ cụ thể của anh T ở nước ngoài. Ông Nguyễn Huy B trình bày: Anh T vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình. Tuy nhiên, Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai mà ông B vẫn không cung cấp địa chỉ, tin tức của anh T cho Tòa án, cũng như không chịu thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho anh T biết. Nhận thấy, đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ vào Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao; khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Huy T theo thủ tục chung.

[2]. Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị H là nguyên đơn có đơn xin ly hôn anh Nguyễn Huy T tại Tòa án nhân dân huyện L, Tòa án nhân dân huyện L đã thụ lý vụ án. Tuy nhiên, anh T hiện đang lao động tại nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ (theo Công văn số 11406/QLXNC- P5 về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh ngày 14/7/2020 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an), thì anh T xuất nhập cảnh 13 lần, lần xuất cảnh gần đây nhất là ngày 11/11/2018 hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước, địa chỉ cuối cùng của anh T ở Việt Nam là: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân huyện L đã có Quyết định số 01/2021/QĐST-DS ngày 18/02/2021 chuyển vụ án đến Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại Điều 41 Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang thụ lý và giải quyết là đúng quy định pháp luật. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ Hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Huy T kết hôn năm 2014 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị H trình bày: Trước khi kết hôn anh chị đều làm việc tại Hàn Quốc nên sau khi cưới vợ chồng lại sang Hàn Quốc làm việc. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 10/2015 chị sinh con là cháu Nguyễn Huy Bảo N tại Hàn Quốc. Đến tháng 12/2015 cháu N được bác ruột cho về Việt Nam với ông bà nội để vợ chồng chị đi làm. Đến năm 2017 vợ chồng bắt đầu nảy sinh những bất hòa và anh T đã ép chị về Việt Nam và dọa cảnh sát bắt chị để ép chị về Việt Nam, vì muốn níu kéo chồng và giữ gia đình hạnh phúc cho con nên ngày 03/6/2019 chị quyết định về Việt Nam theo ý của anh T. Nhưng sau khi về Việt Nam thì chị thấy tình cảm cũng không thể hàn gắn được, hơn nữa anh T còn nên mạng vu khống cho chị có những mối quan hệ bất chính trong khi không có bằng chứng gì khiến cho chị suy sụp tinh thần. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Huy T.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H với anh Nguyễn Huy T. Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn chị H và anh T chung sống với nhau hạnh

phúc cùng nhau ở Hàn Quốc do cả hai cùng lao động tại Hàn Quốc. Đến năm 2017 thì vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn và anh T đã bắt chị về Việt Nam sinh sống, nhưng sau khi về Việt Nam sinh sống thì tình cảm vợ chồng cũng không được cải thiện hơn, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, không có tiếng nói chung, vợ chồng đã ly thân từ tháng 6/2019 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H. Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Huy T.

[4]. Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Huy T có 01 con chung là cháu Nguyễn Huy Bảo N, sinh ngày 02/10/2015. Hiện nay cháu N đang ở cùng ông bà nội, ly hôn chị đề nghị được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Huy Bảo N và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu nuôi con chung của chị Nguyễn Thị H, Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện nay, anh T đang lao động tại nước ngoài không thể trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, cháu N còn nhỏ cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ, yêu cầu được nuôi con chung của chị H là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị H về nuôi con chung là cháu Nguyễn Huy Bảo N. Giao cho chị H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Huy Bảo N, sinh ngày 02/10/2015 đến khi cháu N tròn 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật là phù hợp điều kiện thực tế và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Anh Nguyễn Huy T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

Trường hợp anh Nguyễn Huy T về Việt Nam và có nguyện vọng nuôi con chung, anh T có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

[5]. Về tài sản, công nợ:Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 và khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Huy T.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Huy Bảo N, sinh ngày 02/10/2015 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh Nguyễn Huy T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Nguyễn Thị H không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

Trường hợp anh Nguyễn Huy T về Việt Nam và có nguyện vọng nuôi con chung, có thể làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0005049 ngày 20/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Nguyễn Thị H vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Anh Nguyễn Huy T hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa, có thời hạn kháng cáo Bản án là 01(một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã T, huyện L.
- Các đương sự;
- Công TTĐT Tòa án nhân dân Tối cao;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Hoàng Thị Thu Hiền

